

Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 10 - 2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tường Bích

Ông Đặng Hoàng Mich

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Long Hồ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:***

Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 141/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Phan Thị Thùy T, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Hồ khẩu thường trú: Ấp 1, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

***- Bị đơn:*** Nguyễn Minh S, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22/5/2022, bản tự khai ngày 18/7/2022, nguyên đơn chị Phan Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh S kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S có người phụ nữ khác và đã ly thân từ thời gian đó đến nay, mỗi người sống riêng, cả hai không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống, chị và anh S có với nhau 02 con chung Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày: 24/3/2007 và Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày: 18/8/2011. Chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh T,

cháu Minh L sống với cha. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Phan Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

- Về con chung: Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày: 24/3/2007, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày: 18/8/2011 đồng ý để anh S nuôi dưỡng và theo nguyện vọng con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 29/9/2022, chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu xét xử vắng mặt.

\* Anh Nguyễn Minh S các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đều vắng mặt nên không có lời khai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn chị Phan Thị Thùy T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 29/9/2022 và bị đơn anh Nguyễn Minh S đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt và nhận hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh S vẫn vắng mặt. Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 22/5/2022 (Bút lục số 12), anh S vẫn còn sinh sống tại địa phương. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh S là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

#### **- Về nội dung vụ án:**

##### **[1] Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Phan Thị Thùy T và anh Nguyễn Minh S kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T khai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh S có người phụ nữ khác. Chị T và anh S ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay, mỗi người sống riêng, cả hai không có hàn gắn lại tình cảm. Anh S cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó chứng tỏ anh S không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị T, hôn nhân giữa chị T và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh S. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

##### **[2] Về con chung:**

Chị Phan Thị Thùy T khai, chị và anh Nguyễn Minh S chung sống có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày: 24/3/2007 và Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày: 18/8/2011. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 29/9/2022, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn

Hoàng Minh T, sinh ngày: 24/3/2007, phù hợp với nguyện vọng con chung trên 07 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Minh T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với con chung Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày: 18/8/2011, tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 29/9/2022, chị T đồng ý để anh S được nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng con chung trên 07 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3] Tài sản chung, nợ chung:**

Đơn khởi kiện và tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 29/9/2022, chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

**[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trang phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 233, 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Phan Thị Thùy T.

2. Chị Phan Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

3. Về con chung:

Chị Phan Thị Thùy T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày: 24/3/2007, anh Nguyễn Minh S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày: 18/8/2011. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Trí.

Trong thời gian 02 con chung của chị T và anh S chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), chị T, anh S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Chị T và anh S không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện và tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 29/9/2022 của chị Phan Thị Thùy T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phan Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

theo biên lai số 0006245 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;  
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND xã B  
(Số 93, quyền số I/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Nguyễn Hồng Phương**